

# Hoàn thiện một số biện pháp miễn, giảm hình phạt trong Bộ Luật hình sự năm 1999 đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp

Trịnh Quốc Toàn\*

*Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội,  
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 05 tháng 8 năm 2008

**Tóm tắt.** Trên cơ sở nghiên cứu các quy định của Bộ Luật hình sự (BLHS) năm 1999 và BLHS một số nước trên thế giới, tác giả đã chỉ ra những điểm hạn chế để đề xuất hoàn thiện một số biện pháp miễn, giảm hình phạt trong BLHS Việt Nam năm 1999 đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp hiện nay.

Hình phạt là biện pháp cưỡng chế Nhà nước nghiêm khắc nhất do Tòa án áp dụng đối với người phạm tội nhằm mục đích trừng trị, giáo dục, cải tạo họ trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời hình phạt còn có mục đích răn đe, phòng ngừa chung.

Trong công tác phòng và chống tội phạm, ngoài hình phạt là biện pháp có vai trò rất quan trọng còn có các biện pháp đấu tranh ngăn chặn khác như các biện pháp kinh tế, chính trị, xã hội, giáo dục và thuyết phục. Các biện pháp này được Nhà nước kết hợp, đan xen sử dụng nhằm ngăn chặn, giảm bớt và tiến tới loại trừ tội phạm. Trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Luật hình sự (LHS) Việt Nam và dựa vào nội dung chính sách hình sự (CSHS) của Nhà nước ta được thể hiện tập trung tại Điều 3 BLHS, đồng thời xuất phát từ quan niệm nêu trên về hình phạt, BLHS năm 1999 đã quy định một hệ

thống các biện pháp miễn giảm như: miễn trách nhiệm hình sự (TNHS), miễn hình phạt, án treo, miễn chấp hành hình phạt, giảm thời hạn chấp hành hình phạt, hoãn và tạm đình chỉ chấp hành hình phạt, thời hiệu truy cứu TNHS, thời hiệu thi hành bản án và xóa án tích.

*Các biện pháp miễn, giảm hình phạt, với tư cách là những thể thức thực hiện TNHS, biểu hiện rõ nét tính nhân đạo sâu sắc của LHS và đường lối khoan hồng trong CSHS của Nhà nước, cụ thể hoá nguyên tắc cá thể hóa trong chấp hành hình phạt, được các cơ quan chức năng áp dụng khi có đủ các căn cứ và điều kiện do luật quy định.*

So với BLHS năm 1985 các quy định liên quan đến các biện pháp miễn giảm hình phạt trong BLHS năm 1999 đã có sự bổ sung hoàn thiện nhất định. Tuy nhiên, đối với các biện pháp này qua kết quả nghiên cứu vẫn còn có những biện pháp chưa được điều chỉnh về mặt lập pháp một cách đầy đủ và thống nhất và trong thực tiễn áp dụng do thiếu sự hướng dẫn kịp thời và đồng bộ của cơ quan chức năng nên dẫn đến hiện tượng là sự

\* ĐT: 84-4-37547512.

E-mail: quoctoan@vnu.edu.vn

nhận thức và áp dụng không đúng hoặc không thống nhất các biện pháp này trong cán bộ điều tra, truy tố và xét xử.

Đứng trước yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Xã hội Chủ nghĩa (XHCHN) và thực hiện các Nghị quyết của Bộ chính trị như Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới; Nghị quyết số 48-NQ/TW về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, cần phải nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật, đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật trong đó có pháp luật hình sự (PLHS) và thi hành án hình sự, đồng thời nâng cao hiệu quả áp dụng các chế định của LHS trong đó có các biện pháp miễn, giảm hình phạt. Trên cơ sở nghiên cứu các biện pháp miễn, giảm hình phạt trong BLHS Việt Nam và các kinh nghiệm của một số nước có nền pháp lý hình sự tiên tiến trong bài viết này tác giả xin đưa ra một số kiến nghị nhằm tiếp tục hoàn thiện một số biện pháp miễn, giảm hình phạt trong BLHS hiện hành như sau:

## 1. Về biện pháp miễn chấp hành hình phạt

Về biện pháp này có hai vấn đề cần đặt ra, đó là:

*Thứ nhất là:* Theo Điều 57 BLHS năm 1999 quy định thì miễn chấp hành hình phạt được áp dụng đối với người chưa chấp hành hình phạt (cải tạo không giam giữ hoặc tù có thời hạn) hoặc đã chấp hành được một phần hình phạt (bị phạt tù và đã chấp hành được một phần hình phạt nhưng được tạm đình chỉ thi hành) nếu thoả mãn những điều kiện luật

định cho từng trường hợp cụ thể thì được miễn chấp hành toàn bộ hình phạt hoặc phần hình phạt còn lại. Thế nhưng nghiên cứu cho thấy cũng có trường hợp tương tự liên quan đến phạt tiền nhưng lại được quy định tại khoản 2 Điều 58 mà lại không đưa về Điều 57. Điều đó thể hiện sự không nhất quán trong kỹ thuật lập pháp, vì thế nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp.

*Thứ hai là:* Đối với những trường hợp người bị phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định và hình phạt tước quyền công dân, nếu đã chấp hành được 1/2 thời hạn hình phạt và cải tạo tốt thì cũng nên quy định miễn chấp hành phần hình phạt còn lại cho họ như đã quy định đối với những trường hợp cấm cư trú hoặc quản chế theo khoản 5 Điều 57. Quy định như vậy cũng là nhằm khuyến khích người bị kết án cải tạo tốt, tạo điều kiện cho họ tái hoà nhập cộng đồng và đồng thời cũng là góp phần có hiệu quả thực hiện nguyên tắc phân hoá trong chấp hành hình phạt.

Với quan niệm như trên, theo chúng tôi Điều 57 được sửa đổi như sau:

### **Điều 57. Miễn chấp hành hình phạt**

Giữ nguyên các khoản 1, 2, 3, 4, và bổ sung thêm khoản 5 và 6:

*Khoản 5. Người bị kết án phạt tiền đã tích cực chấp hành được một phần hình phạt nhưng bị lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn kéo dài do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn hoặc ốm đau gây ra mà không thể tiếp tục chấp hành được phần hình phạt còn lại hoặc lập công lớn, thì theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định miễn việc chấp hành phần tiền phạt còn lại.*

*Khoản 6. Người bị phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, cấm cư trú, quản chế hoặc tước quyền công dân, nếu đã chấp hành được 1/2 thời hạn hình phạt và cải tạo tốt thì theo đề nghị của cơ quan, tổ chức nơi người đó chấp hành hình phạt, Tòa án có thể quyết định miễn việc chấp hành phần hình phạt còn lại.*

## 2. Về biện pháp hoãn chấp hành hình phạt

Nghiên cứu Điều 61 BLHS về hoãn chấp hành hình phạt cho thấy có một số hạn chế sau:

- Khoản 1 Điều luật sử dụng thuật ngữ “*người bị xử phạt tù*” rõ ràng là không tương thích, không thống nhất, nếu so với các điều luật khác quy định về các biện pháp miễn, giảm hình phạt. Nên sử dụng thống nhất thuật ngữ “*người bị kết án phạt tù*”.

- Điểm c khoản 1 Điều luật quy định “là người duy nhất trong gia đình, nếu phải chấp hành hình phạt tù thì gia đình sẽ gặp khó khăn đặc biệt, được hoãn 1 năm, trừ trường hợp người đó bị kết án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc các tội khác là tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng”.

Theo chúng tôi quy định “... *trừ trường hợp bị kết án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia...*” là thừa, trùng với vế sau vì các tội này đều được điều luật về tội phạm quy định là tội rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng do cố ý. Theo chúng tôi nên quy định là “... *trừ trường hợp bị kết án về tội nghiêm trọng do cố ý, tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng*”.

- Quy định về tổng hợp hình phạt với người bị kết án lại phạm tội mới trong thời gian được hoãn chấp hành hình phạt tù không thể được quy định trong Điều luật này (khoản 3 Điều 61) mà phải chuyển về Điều 51 BLHS quy định về tổng hợp hình phạt trong trường hợp có nhiều bản án.

Như vậy, Điều 61 nên quy định như sau:

### **Điều 61. Hoãn chấp hành hình phạt tù**

- Người bị kết án phạt tù có thể được hoãn chấp hành hình phạt trong các trường hợp sau đây:

- a) Giữ nguyên như trước
- b) Giữ nguyên như trước
- c) Là người lao động duy nhất trong gia đình, nếu phải chấp hành hình phạt tù thì gia đình sẽ gặp khó khăn đặc biệt, được hoãn 1

năm, trừ trường hợp bị kết án về *tội nghiêm trọng do cố ý, tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng*.

d) Giữ nguyên như trước

- Chuyển khoản này sang Điều 51 BLHS.

## 3. Về thời hiệu thi hành bản án

Nghiên cứu cho thấy Điều 55 có những hạn chế sau:

- Thứ nhất là quy định về thời hiệu thi hành bản án nhưng thực chất là thời hiệu thi hành hình phạt.

- Khi hết thời hiệu thi hành hình phạt thì đương nhiên người bị kết án được miễn chấp hành hình phạt, nếu nó thoả mãn các điều kiện khác được luật quy định. Thế nhưng Điều 55 BLHS hiện hành khi đưa ra định nghĩa về thời hiệu thi hành án lại không khẳng định rõ được điều đó.

- Điều luật thiếu vắng quy định thời hiệu thi hành hình phạt trực xuất - Một hình phạt mới được quy định trong BLHS năm 1999.

- Việc tách các trường hợp không được hưởng thời hiệu thi hành hình phạt thành một điều riêng biệt như Điều 56 BLHS hiện hành là không cần thiết, không logic.

Vì thế Điều 55 cần phải sửa đổi theo hướng sau:

### **Điều 55. Thời hiệu thi hành hình phạt**

- Thời hiệu thi hành *hình phạt* là thời hạn do Bộ luật này quy định mà khi hết thời hạn đó thì người bị kết án *đương nhiên được miễn chấp hành hình phạt*.

- Thời hiệu thi hành hình phạt được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và được quy định như sau:

a) Năm năm đối với trường hợp xử phạt tiền, cải tạo không giam giữ, *trực xuất* hoặc xử phạt tù từ ba năm trở xuống;

b) Mười năm đối với trường hợp xử phạt tù từ trên ba năm đến mười lăm năm;

c) Mười lăm năm đối với trường hợp xử phạt tù từ trên mười lăm năm đến ba mươi năm.

- Nếu trong thời hạn được quy định tại khoản 2 Điều này người bị kết án lại phạm tội mới, thì thời gian đã qua không được tính và thời hiệu được tính lại kể từ ngày phạm tội mới (đoạn 2 khoản 3 Điều 55 BLHS năm 1999).

- Nếu trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này người bị kết án cố tình trốn tránh và đã có lệnh (*quyết định*) truy nã, thì thời gian trốn tránh không được tính và thời hiệu được tính lại kể từ ngày người đó ra trình diện hoặc bị bắt giữ (đoạn 3 khoản 3 Điều 55 BLHS năm 1999).

- Việc áp dụng thời hiệu thi hành hình phạt đối với trường hợp xử phạt tù chung thân hoặc tử hình, sau khi đã qua thời hạn mười lăm năm, do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định. Trong trường hợp không cho áp dụng thời hiệu thì hình phạt tử hình được chuyển thành tù chung thân, tù chung thân được chuyển thành tù ba mươi năm (khoản 4 Điều 55 BLHS năm 1999).

- Chuyển những trường hợp quy định không áp dụng thời hiệu thi hành án từ Điều 56 sang khoản 7 (mới) của Điều 55 và được quy định như sau:

*Không áp dụng thời hiệu thi hành hình phạt được quy định tại Điều này đối với các trường hợp bị xử phạt về các tội phạm được quy định tại Chương XI và Chương XIV của Bộ luật này.*

#### 4. Về án treo

Nhận xét về chế định án treo trong PLHS Việt Nam và thực tiễn áp dụng chế định này cho thấy một số hạn chế cơ bản dưới đây:

- Theo quy định tại Điều 60 BLHS hiện hành thì không có hạn chế phạm vi áp dụng án treo, có nghĩa là chế định này có thể được áp dụng đối với mọi loại tội phạm (ít nghiêm

trọng, nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng) mà người bị kết án đã thực hiện, miễn là thoả mãn các căn cứ và điều kiện do PLHS quy định, mà đáng ra nhà làm luật cần phải hạn chế là việc áp dụng án treo chỉ dành cho những trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng. Và như vậy sẽ tránh được tình trạng áp dụng án treo tràn lan và không đúng như hiện nay<sup>(1)</sup>.

- Vì trong BLHS năm 1999 không có quy định cụ thể và rõ ràng về thời gian thử thách của án treo được tính bắt đầu từ thời điểm nào nên giữa các chuyên gia hình sự học và cán bộ làm việc tại các cơ quan tư pháp còn chưa có nhận thức thống nhất về vấn đề này vì cách tính thời gian thử thách vừa được đề cập trong Nghị quyết số 01/HĐTP ngày 18/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao (TANDTC), vừa được đề cập trong Nghị định số 61/NĐ-CP ngày 30/10/2000 của Chính phủ.

- Trong Điều 60 BLHS năm 1999 còn bỏ ngỏ nhiều vấn đề liên quan đến án treo mà chưa được hoặc chưa đề cập đầy đủ: Khái niệm án treo; Căn cứ và những điều kiện của án treo; Thời gian thử thách của án treo; Những điều kiện thử thách của án treo; Quyền và nghĩa vụ của người được hưởng án treo; Chế tài đối với trường hợp vi phạm điều kiện án treo.

- Về lý luận và thực tiễn thì hình phạt bổ sung chỉ có thể áp dụng kèm theo hình phạt chính, nếu điều luật về tội phạm có quy định. Án treo không phải là hình phạt mà chỉ là biện pháp miễn chấp hành hình phạt, cho nên hình phạt bổ sung (phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định) không thể quy định áp dụng kèm theo án treo được. Nếu có áp dụng

<sup>(1)</sup> Xem các báo cáo tổng kết công tác hàng năm (từ năm 2000 đến 2006) của TANDTC.

thì phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định chỉ có thể được coi là nội dung của án treo mà thôi.

Vấn đề tổng hợp hình phạt trong trường hợp án treo cũng không có quy định rõ ràng dẫn đến có sự lúng túng trong áp dụng của cơ quan xét xử. Khoản 5 Điều 60 BLHS chỉ quy định trường hợp phạm tội mới trong thời gian thử thách, thế nhưng đối với trường hợp người chịu án treo đang trong thời gian thử thách mà lại bị đưa ra xét xử về tội đã được thực hiện trước khi có bản án cho hưởng án treo đó và trường hợp có hai bản án treo đối với cùng một người thì giải quyết như thế nào? Vấn đề này Điều 60 BLHS không có quy định.

Vì những lý do trên, dưới góc độ nhận thức - khoa học về sự cần thiết của việc hoàn thiện chế định *án treo* trong PLHS Việt Nam, theo chúng tôi Điều 60 BLHS nên quy định như sau:

**Điều 60. Án treo**

- *Án treo là biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có kèm theo thử thách được Tòa án áp dụng đối với người bị xử phạt tù không quá 3 năm về tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng, có nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ mà trong đó có ít nhất 1 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật này, nếu Tòa án xét thấy không cần bắt người bị kết án phải chấp hành hình phạt tù đã tuyên.*

- Khi quyết định cho người bị kết án được hưởng án treo, Tòa án phải ấn định thời gian thử thách từ một năm đến năm năm. Thời gian thử thách của án treo được tính từ ngày bản án tuyên cho hưởng án treo có hiệu lực pháp luật (nếu chỉ có một bản án) hoặc từ ngày bản án đầu tiên cho hưởng án treo có hiệu lực pháp luật (nếu có nhiều bản án và các bản án đó đều tuyên cho hưởng án treo).

- Trong thời gian thử thách, Tòa án giao người được hưởng án treo cho cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc hoặc chính quyền

địa phương nơi người đó thường trú để giám sát và giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó.

- Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo phải chịu sự giám sát và giáo dục của cơ quan, tổ chức nơi làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi thường trú và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nhất định (có thể như quy định tại Điều 4 Nghị định số 61/2000/NĐ-CP ngày 30/10/2000 của Chính phủ "Về việc thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo").

- Người được hưởng án treo đã chấp hành được một nửa thời gian thử thách...

(Giữ nguyên như khoản 4 Điều 60 BLHS năm 1999).

- Đối với người được hưởng án treo mà phạm tội mới trong thời gian thử thách hoặc bị đưa ra xét xử về tội đã được thực hiện trước khi có bản án treo, thì vấn đề tổng hợp hình phạt được thực hiện như sau:

a) Trường hợp người được hưởng án treo mà lại phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án sẽ quyết định buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án đó và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 51 của Bộ luật này.

b) Trường hợp người được hưởng án treo đang trong thời hạn thử thách bị đưa ra xét xử về tội đã được thực hiện trước khi có bản án treo này thì:

+ Nếu Tòa án tuyên hình phạt tù có thời hạn hoặc cải tạo không giam giữ đối với tội đang xét xử thì thời hạn chấp hành các hình phạt này được khấu trừ vào thời hạn thử thách còn lại của bản án treo.

+ Nếu Tòa án tuyên hình phạt tù chung thân hoặc tử hình thì người bị kết án chỉ phải chấp hành hình phạt tù chung thân hoặc tử hình.

+ Nếu Tòa án tuyên hình phạt tù cho hưởng án treo đối với tội đang xét xử thì người bị kết án phải chấp hành lần lượt các bản án cho hưởng án treo.

+ Nếu Tòa án tuyên hình phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền thì người bị kết án phải chấp hành đồng thời bản án này và bản án cho hưởng án treo.

Đối với người được hưởng án treo mà trong thời gian thử thách lại vi phạm thường xuyên và có hệ thống các điều kiện (nghĩa vụ) quy định đối với họ, thì theo đề nghị của cơ quan, tổ chức được giao trách nhiệm giám sát, giáo dục người bị kết án Tòa án có thể quyết định kéo dài thời gian thử thách hoặc buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo [2].

### 5. Về việc thiết lập một số biện pháp miễn, giảm hình phạt mới trong Bộ Luật hình sự

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu các biện pháp miễn, giảm hình phạt trong LHS một số nước ngoài tác giả thấy có 2 chế định được hầu hết các nước trên thế giới áp dụng và có lẽ nó cũng phù hợp với điều kiện của Việt Nam, đó là chế định hoãn tuyên hình phạt và phóng thích có điều kiện

- *Biện pháp hoãn tuyên hình phạt có điều kiện*

Bản chất pháp lý của biện pháp này thể hiện ở chỗ, đối với người phạm tội (thường là tội ít nghiêm trọng), tại phiên tòa xét xử, Thẩm phán chỉ kết tội chứ không tuyên hình phạt đối với họ. Nhưng thay vào đó Thẩm phán buộc họ phải thực hiện một số điều kiện (nghĩa vụ) nhất định như là đối với án treo và việc thực hiện các điều kiện này được đặt dưới sự giám sát, giáo dục và trợ giúp của cơ quan, tổ chức người đó đang công tác hoặc chính quyền địa phương nơi người đó cư trú.

Theo các nhà lập pháp nước ngoài, việc quy định biện pháp này là để áp dụng đối với những trường hợp mà vụ việc phạm tội không nghiêm trọng đến mức phải tuyên hình phạt hoặc tuyên hình phạt nhưng cho hưởng án treo. Trong những trường hợp như

vậy, nếu tuyên hình phạt sẽ gây hại tới sự sửa chữa sai lầm đã đặt được hoặc đang hy vọng đặt được ở người phạm tội, cũng như gây hại cho sự tái hoà nhập xã hội của họ.

Sau khi hết thời hạn thử thách (có thể từ 1 đến 2 năm), tại phiên tòa xét xử lại, Tòa án có thể tính đến xử sự của người phạm tội trong thời gian thử thách để quyết định miễn hoặc tuyên hình phạt đối với họ.

Tòa án sẽ quyết định miễn hình phạt cho họ, nếu các nghĩa vụ nhất định được người phạm tội thực hiện đúng thời hạn và nghiêm túc. Trong trường hợp ngược lại, Tòa án ra quyết định xóa nghĩa vụ bắt buộc và tuyên hình phạt được quy định trong Luật hoặc Nghị định.

Có thể nói việc thiết lập biện pháp hoãn tuyên hình phạt có điều kiện trong LHS không chỉ càng làm phong phú thêm các biện pháp phân hoá, cá thể hoá TNHS, tạo nên sự mềm dẻo trong việc lựa chọn các biện pháp TNHS của Tòa án trong thực tiễn xét xử mà còn càng làm nổi bật tính nhân đạo sâu sắc của CSHS của Nhà nước ta.

- *Biện pháp phóng thích (hay là tha tù) có điều kiện*

Phóng thích có điều kiện được áp dụng với trường hợp một người đã chấp hành hình phạt tù có thời hạn hoặc tù chung thân được một thời gian nhất định và thoả mãn một số điều kiện khác thì được miễn chấp hành phần hình phạt còn lại. Khi miễn chấp hành phần hình phạt còn lại, Tòa án có thể buộc người bị kết án trong thời gian phần hình phạt còn lại hoặc trong thời gian nhất định do Tòa án xác định (thời gian thử thách) phải thực hiện những điều kiện cụ thể hoặc phải chịu những biện pháp giám sát hoặc trợ giúp nhất định. Nếu người được phóng thích có điều kiện vi phạm các điều kiện nêu trong quyết định cho ra tù trước thời hạn (thường là có hệ thống) thì quyết định phóng thích có điều kiện sẽ bị huỷ và người đó phải chấp

hành phần hình phạt còn lại đó. Ngược lại, trong thời gian thử thách mà người đó chấp hành tốt các điều kiện, các nghĩa vụ quy định thì trong trường hợp này, hình phạt được coi như thi hành xong kể từ ngày được ra tù trước thời hạn. Đưa biện pháp này vào trong BLHS nước ta sẽ giảm thiểu được hiện tượng tái phạm của một số người được đặc xá hiện nay và tạo điều kiện tốt cho việc tái hoà nhập xã hội của họ.

Đây là một trong những thể thức thi hành hình phạt tù rất được ưa chuộng ở nhiều nước trên thế giới. Tuy nhiên, cần lưu ý là trong PLHS của các nước nghiên cứu đều được quy định chế định phóng thích có điều kiện, nhưng điều kiện, phạm vi, thể thức chấp hành chế định phóng thích có điều kiện

cũng như tính chất và thời hạn áp dụng các biện pháp trợ giúp và giám sát ở mỗi nước lại được quy định rất khác nhau.

Trên đây là một số kiến nghị nhằm hoàn thiện chế định các biện pháp miễn, giảm hình phạt trong LHS Việt Nam. Hy vọng rằng nó sẽ được các nhà làm luật Việt Nam tham khảo trong quá trình sửa đổi, bổ sung BLHS năm 1999, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp hiện nay của nước ta.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Đỗ Văn Chính, Án treo và thực tiễn áp dụng, *Tạp chí Tòa án Nhân dân* 7 (2007) 41.

## A number of exemption method perfection, abatment of penalty in forensic reform request response criminal code in the year 1999

Trinh Quoc Toan

*Faculty of Law, Vietnam National University, Hanoi,  
144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

The author points out some limited points about exemption method, atatement of penalty of proposes performing such method in Vietnam Criminal code in the year of 1999 in order to meet the request of jursdiction innovation.